

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**HOÀNG THỊ PHƯỢNG**

**PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA TRUNG  
QUỐC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO CÁC  
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

*Chuyên ngành: Luật Quốc tế*

*Mã số: 60 38 60*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Bá Chiền

**Hà Nội – 2012**

*Công trình được hoàn thành tại:*  
**KHOA LUẬT – ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Bá Chiến**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội

Vào hồi: ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

## MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan.....	2
Mục lục .....	3
Danh mục các kỹ hiệu, các chữ viết tắt .....	5
Danh mục các bảng .....	6
Danh mục các bản đồ, hình vẽ .....	7
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	8
<b>CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA TRUNG QUỐC</b>	11
1.1 Các đạo luật của Trung Quốc có liên quan đến Bán phá giá .....	11
1.2 Khái niệm về bán phá giá của Trung Quốc .....	13
1.3 Quy định của Trung Quốc về xử lý các hành vi Bán phá giá .....	18
1.3.1 Cơ quan có thẩm quyền điều tra hành vi Bán phá giá .....	18
1.3.2 Trình tự tiến hành xử lý Bán phá giá .....	19
<b>CHƯƠNG 2 - THỰC TIỄN VỀ HOẠT ĐỘNG CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA TRUNG QUỐC</b> .....	40
2.1 Tổng quan về thực trạng bán phá giá vào thị trường Trung Quốc .....	40
2.1.1 Thống kê các vụ bán phá giá vào thị trường Trung Quốc .....	40
2.1.2 Thực trạng xử lý các vụ bán phá giá vào thị trường Trung Quốc .....	42
2.2 Nhận xét về việc áp dụng luật chống bán phá giá của Trung Quốc .....	59
2.2.1 Phản ứng của các quốc gia đối với luật chống bán phá giá của Trung Quốc	59
2.2.2 Ảnh hưởng của pháp luật chống bán phá giá đến bản thân các doanh nghiệp Trung Quốc .....	61
<b>CHƯƠNG 3 - BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM</b> .....	67
3.1 Một số vụ kiện chống bán phá giá điển hình có liên quan đến Trung Quốc và Việt Nam.....	67
3.2 Những kinh nghiệm rút ra từ việc nghiên cứu pháp luật và thực tiễn chống bán phá giá của Trung Quốc đối với Việt Nam .....	67
3.2.1 Bài học kinh nghiệm đối với việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam	67
3.2.2 Bài học kinh nghiệm đối với doanh nghiệp trong vấn đề phòng và chống bị kiện bán phá giá .....	71
3.3 Các giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam trong vấn đề bán phá giá .....	81
3.3.1 Nhóm giải pháp nhằm tránh bị liên quan đến các vụ kiện bán phá giá ...	81
3.3.2 Nhóm giải pháp cần tiến hành khi bị kiện bán phá giá .....	83
<b>KẾT LUẬN</b>	
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Luật chống bán phá giá là một trong những bộ luật non trẻ nhất của hệ thống thương mại quốc gia cũng như thế giới, bởi cho đến đầu thế kỷ XX, khái niệm chống bán phá giá hầu như vẫn chưa hình thành.

Tuy nhiên trong bối cảnh tự do hóa thương mại ngày càng phát triển, khi mà các hàng rào thương mại cổ điển dần được xóa bỏ, thì khái niệm bán phá giá và chống bán phá giá ngày càng phổ biến, và vì thế luật chống bán phá giá ngày càng được chú trọng. Điều này minh chứng qua số lượng ngày càng tăng các quốc gia tự xây dựng luật chống bán phá giá của quốc gia mình.

Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa (gọi tắt là Trung Quốc), với tư cách là quốc gia láng giềng, có quan hệ chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại và giao lưu văn hóa với Việt Nam từ rất lâu đời; đồng thời, trong những năm gần đây, Trung Quốc nổi lên như một hiện tượng của kinh tế thế giới với những chính sách mở cửa về ngoại thương cũng như những thành tựu đáng kinh ngạc về kinh tế, đặc biệt Trung Quốc là một trong những quốc gia tiên phong trong khu vực châu Á trong việc xây dựng hệ thống pháp luật về chống bán phá giá. Một điểm đáng lưu ý là, nhìn chung Việt Nam và Trung Quốc có nền kinh tế tương tự nhau, hai nền kinh tế đều duy trì vai trò chủ đạo, định hướng phát triển của Nhà nước, có thị trường hàng hóa khá tương đồng và vì thế là hai môi trường có tính cạnh tranh cao. Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã có dịp “đổi mặt” với luật chống bán phá giá của Trung Quốc. Do vậy, để tránh những lúng túng và tranh chấp trong quan hệ thương mại liên quan đến việc bán phá giá thì việc nghiên cứu và tìm hiểu pháp luật về chống bán phá giá của Trung Quốc là điều hết sức cần thiết và có ý nghĩa sâu sắc đối với Việt Nam.

Đây chính là lý do em chọn đề tài “Pháp luật về chống bán phá giá của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam” để thực hiện bài Luận văn tốt nghiệp của mình, với mong muốn đưa ra cái nhìn tổng quan về pháp luật chống bán phá giá của Trung Quốc, để từ đó đưa ra những giải pháp, bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Pháp luật về chống bán phá giá và việc nghiên cứu về nó không còn là một đề tài mới trên thế giới, và ở Việt Nam từ những năm trở lại đây, khi Nhà nước ta nhìn nhận được vai trò to lớn của đầu tư nước ngoài cũng như những tranh chấp xoay quanh nó ngày càng phức tạp thì việc tìm hiểu pháp luật về chống bán phá giá cũng rất được quan tâm và có rất nhiều nhà khoa học đã nghiên cứu về nó. Hiện nay có một số đề tài, công trình tiêu biểu nghiên cứu về vấn đề này như: Trần Văn Hải (2007), “Một số vấn đề cơ bản về pháp luật chống bán phá giá của WTO, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật, trường Đại học quốc gia Hà Nội, Nguyễn Trần Duy (2007), Pháp luật về chống bán phá giá thương mại quốc tế, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật, trường Đại học quốc gia Hà Nội;... Trong các đề tài này, vấn đề về pháp luật chống bán phá giá đã được các nhà nghiên cứu đưa ra một cách chung nhất và khái quát nhất. Tuy

nhiên, chưa có một đề tài nào đi sâu nghiên cứu về “Pháp luật về chống bán phá giá của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam”.

### **3. Phạm vi nghiên cứu đề tài**

Với tính chất là một đề tài Thạc sĩ, đi sâu nghiên cứu pháp luật của Trung Quốc từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm và giải pháp cho Việt Nam, do đó tác giả không đi sâu nghiên cứu các vấn đề về pháp luật chống bán phá giá trong thương mại quốc tế nói chung như: các biện pháp chống bán phá giá, các Điều ước quốc tế liên quan đến bán phá giá mà các quốc gia ký kết hoặc tham gia, cơ chế giải quyết tranh chấp liên quan đến bán phá giá....

### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài**

Trên đối tượng và phạm vi nghiên cứu hạn hẹp, để đạt được các mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra, trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử với các phương pháp nghiên cứu cụ thể: phương pháp thống kê, tổng hợp so sánh, phân tích, phương pháp lịch sử và logic...

### **5. Mục đích, nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài**

Với tính cấp thiết của đề tài, tác giả đặt ra cho mình mục đích là nghiên cứu một cách có hệ thống về pháp luật chống bán phá giá của Trung Quốc, thực trạng xử lý các vụ kiện chống bán phá giá tại Trung Quốc, từ đó tìm ra những bài học kinh nghiệm và giải pháp cho Việt Nam.

Để đạt được các mục đích trên, việc nghiên cứu đề tài có các nhiệm vụ cụ thể: hệ thống toàn bộ các quy định của Trung Quốc về chống bán phá giá, làm sáng tỏ sự phù hợp của các quy định này so với các quy định về chống bán phá giá của WTO khi mà Trung Quốc đã trở thành thành viên của WTO; xem xét thực tiễn hoạt động chống bán phá giá của Trung Quốc, đưa ra bài học kinh nghiệm và giải pháp cho Việt Nam.

### **6. Những kết quả nghiên cứu mới của luận văn**

Đây là đề tài nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về pháp luật chống bán phá giá của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm, giải pháp cho Việt Nam, trên cơ sở đó có thể xem những nội dung sau đây là những đóng góp mới của đề tài:

- Hệ thống hóa các quy định của pháp luật hiện hành của Trung Quốc về chống bán phá giá;
- Thực tiễn chống bán phá giá của Trung Quốc, bao gồm: việc thống kê những vụ bán phá giá vào thị trường Trung Quốc, thực trạng xử lý các vụ việc;
- Chỉ ra những kinh nghiệm và giải pháp cho Việt Nam.

### **7. Cơ cấu của Luận văn**

Luận văn chia làm 3 phần chính:

Chương 1: Quy định về Chống bán phá giá của Trung Quốc;

Chương 2: Thực tiễn về hoạt động chống bán phá giá của Trung Quốc;

Chương 3: Bài học kinh nghiệm và giải pháp cho Việt Nam.

## **CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA TRUNG QUỐC**

### **1.1 Các đạo luật của Trung Quốc có liên quan đến Bán phá giá.**

Về cơ bản, có thể tóm lược quá trình ban hành các đạo luật liên quan đến vấn đề chống bán phá giá của Trung Quốc như sau:

Luật ngoại thương năm 1994, được sửa đổi, bổ sung năm 2004;

Luật chống bán phá giá và chống trợ cấp có hiệu lực vào tháng 4 năm 1997;

Ngày 01/01/2002, Trung Quốc ban hành hai Quy định mới là: “Các quy định về chống bán phá giá” và “ Các quy định về chống trợ cấp”;

Tháng 3 năm 2004, Trung Quốc đã sửa đổi, bổ sung quy định về chống bán phá giá và chống trợ cấp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2004.

Nhìn chung, các đạo luật liên quan đến chống bán phá giá của Trung Quốc có sự thay đổi cho phù hợp với từng giai đoạn. Việc tìm hiểu nội dung từng đạo luật nói trên có thể đánh giá được bước phát triển trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật về chống bán phá giá của Trung Quốc để phù hợp với pháp luật quốc tế.

### **1.2 Khái niệm về Bán phá giá của Trung Quốc**

Theo quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) thì khái niệm “Bán phá giá” được nêu tại Hiệp định về việc thực thi Điều VI của Hiệp định chung về Thuế quan và thương mại 1994 (GATT 1994): “Một sản phẩm bị coi là Bán phá giá (tức là được đưa vào lưu thông thương mại của một nước khác với giá thấp hơn trị giá thông thường của sản phẩm đó) nếu như giá xuất khẩu của sản phẩm được xuất khẩu từ một nước này sang một nước khác thấp hơn mức giá có thể so sánh được của sản phẩm tương tự được tiêu dùng tại nước xuất khẩu theo các điều kiện thương mại thông thường” [10].

Đối với Trung Quốc, thuật ngữ “Bán phá giá” được đưa ra tại Điều 3, Các quy định về chống bán phá giá có hiệu lực từ ngày 1/1/2001, cụ thể là: “Bán phá giá có nghĩa là một sản phẩm nhập khẩu được giới thiệu, trong điều kiện thương mại bình thường, vào thương mại trong Cộng hoà dân chủ nhân dân Trung Hoa tại một mức giá xuất khẩu thấp hơn giá trị thông thường của nó” [2].

Để hiểu rõ về khái niệm bán phá giá, ta sẽ đi sâu nghiên cứu về “Giá xuất khẩu” và “Giá trị thông thường”.

Theo Quy định về chống bán phá giá của Trung Quốc có đưa ra khái niệm khá cụ thể về Giá trị thông thường. Tại Điều 4 của Quy định này [2] có đưa ra 2 cách xác định giá trị thông thường như sau :

Giá trị thông thường của một sản phẩm nhập khẩu sẽ được xác định theo các phương pháp sau đây bằng cách phân biệt giữa các trường hợp khác nhau:

1. Trường hợp có giá so sánh đối với sản phẩm giống với sản phẩm nhập khẩu trong quá trình thương mại thông thường tại thị trường nội địa của nước (khu vực) xuất khẩu, giá so sánh đó sẽ là giá trị thông thường;

2. Trường hợp không có hoạt động mua bán sản phẩm giống với sản phẩm nhập khẩu trong quá trình thương mại thông thường tại thị trường nội địa của nước (khu vực) xuất khẩu, hoặc giá và chất lượng của hàng hóa không cho phép một sự so sánh công bằng, giá trị thông thường sẽ là giá so sánh của sản phẩm giống nhau khi được xuất khẩu vào nước (khu vực) thứ ba thích hợp, hoặc chi phí sản xuất sản phẩm giống nhau tại nước (khu vực) xuất xứ cộng với một giá trị hợp lý cho chi phí và lợi nhuận.
3. Trường hợp một sản phẩm không được nhập khẩu trực tiếp từ nước (khu vực) xuất xứ, giá trị thông thường sẽ được xác định theo Điểm 1 nêu trên. Tuy nhiên, với tình huống là sản phẩm này hoàn toàn chuyển qua nước xuất khẩu, hoặc sản phẩm này không được sản xuất tại nước (khu vực) xuất khẩu, hoặc không có giá so sánh đối với sản phẩm này tại nước xuất khẩu, giá của sản phẩm giống nhau tại nước (khu vực) xuất xứ có thể được chọn làm giá thông thường. [2]

Sau khi đã xác định được giá trị thông thường của hàng hoá, bước tiếp theo là phải xác định giá xuất khẩu của hàng hoá đó. Theo quy định của Quy định về chống bán phá giá của Trung Quốc thì Giá xuất khẩu của sản phẩm nhập khẩu được xác định theo phương pháp sau đây bằng cách phân biệt giữa các vụ việc khác nhau:

- Giá thực trả hoặc phải trả đối với sản phẩm nhập khẩu là giá xuất khẩu;
- Trường hợp không có giá xuất khẩu đối với sản phẩm nhập khẩu hoặc giá này không tin cậy, giá xuất khẩu có thể được xây dựng trên cơ sở giá tại đó sản phẩm nhập lần đầu tiên được bán lại cho người mua độc lập; tuy nhiên, nếu sản phẩm nhập khẩu không được bán lại cho người mua độc lập, hoặc không được bán lại với điều kiện như nhập khẩu, giá xuất khẩu có thể xác định trên cơ sở giá hợp lý được xây dựng bởi MOFTEC [2]

Nếu không có giá xuất khẩu đối với sản phẩm được đưa ra, ví dụ giao dịch xuất khẩu là một sự chuyển đổi nội bộ, hoặc sản phẩm được trao đổi trong giao dịch hàng đổi hàng; hay giá giao dịch mà nhà xuất khẩu bán sản phẩm đến nước nhập khẩu có thể không đáng tin cậy do có sự liên kết hoặc một thoả thuận bồi hoàn giữa nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu hoặc bên thứ ba, như vậy giá giao dịch có thể bị thao túng hoặc không thể hiện quan hệ cung cầu thị trường. Trong các trường hợp trên hiệp định quy định một phương pháp thay thế để xác định giá xuất khẩu - đó là giá xuất khẩu cấu thành. Giá này được tính trên cơ sở giá mà sản phẩm nhập khẩu được bán lại đầu tiên cho người mua độc lập. Nếu sản phẩm nhập khẩu không được bán lại cho người mua độc lập hoặc không được bán lại khi nhập khẩu, cơ quan điều tra có thể xác định một cơ sở hợp lý để tính giá xuất khẩu. Pháp luật về chống bán phá giá của các quốc gia khác cũng có quy định tương tự đối với việc xác định giá xuất khẩu.

### **1.3 Quy định của pháp luật Trung Quốc về xử lý hành vi bán phá giá**

#### **1.3.1 Cơ quan có thẩm quyền điều tra hành vi bán phá giá**

Cùng với sự hình thành của các điều luật liên quan, phạm vi thẩm quyền xét xử hành vi bán phá giá cũng thay đổi theo.

Năm 1997, Quy định về chống bán phá giá và Chống trợ cấp đã được ban hành, theo đó quy định Bộ Hợp Tác Kinh Tế và Ngoại Thương (MOFTEC) phụ trách việc khởi xướng các cuộc điều tra và báo cáo kết quả còn Ủy Ban Kinh Tế và Thương Mại Nhà Nước (SETC) sẽ chịu trách nhiệm điều tra các thiệt hại. Khi có các quyết định, cơ quan Hải quan chiếu theo thi hành.

Đến “Các quy định về chống bán phá giá” có hiệu lực từ ngày 01/01/2002, thì tại Điều 3 có quy định rõ “Bộ Hợp Tác Kinh Tế và Ngoại Thương (MOFTEC) chịu trách nhiệm cho việc điều tra và xác định bán phá giá. Đồng thời tại Điều 7 quy định: “Ủy ban kinh tế và Thương mại Nhà nước (SETC) chịu trách nhiệm cho việc điều tra và xác định thiệt hại” [2].

Đến tháng 3/2004, theo Nghị quyết của Quốc hội về Cải cách thể chế của Ủy ban nhà nước và thông báo của Ủy ban Nhà nước về cơ cấu tổ chức thì Bộ Thương mại (MOFCOM) được thành lập để đảm nhận trách nhiệm của MOFTEC và SETC, trong đó có vai trò điều chỉnh bán phá giá và trợ cấp. Cơ quan này có thể tự tiến hành điều tra hoặc điều tra khi nhận được đơn kiện của ngành sản xuất nội địa. Quy định về chống bán phá giá của Trung Quốc công nhận quyền khởi kiện của một ngành sản xuất nội địa, một cá nhân, một pháp nhân hay một tổ chức có liên quan đại diện cho ngành sản xuất nội địa đệ đơn lên MOFCOM xin tiến hành một cuộc điều tra chống bán phá giá.

### **1.3.2 Trình tự tiến hành xử lý bán phá giá**

#### **1.3.2.1 Thủ tục bắt đầu điều tra.**

##### **a. Đơn xin điều tra.**

##### **\* Quyên nộp đơn:**

Theo quy định tại Điều 13 của Quy định về chống bán phá giá (01/01/2002) thì: “Bất kỳ ngành công nghiệp trong nước hoặc thể nhân, pháp nhân hoặc tổ chức có liên quan thay mặt cho ngành công nghiệp trong nước (Sau đây gọi chung là “người nộp đơn”) có thể gửi một văn bản để MOFCOM cho một cuộc điều tra chống bán phá giá theo quy định của Quy chế này [2].

Quyên đệ đơn được đề cập trong các quy định tạm thời về Tiến hành điều tra chống bán phá giá. Theo các quy định này thì một đơn kiện phải do một ngành sản xuất nội địa hoặc tổ chức đại diện đưa ra và khi đó cơ quan chức năng sẽ tiến hành điều tra chống bán phá giá nếu các nhà sản xuất trong nước ủng hộ đơn kiện này có sản lượng sản phẩm tương tự chiếm hơn 50% tổng sản lượng được sản xuất ra bởi tất cả các nhà sản xuất trong nước đã bày tỏ ý kiến ủng hộ hoặc phản đối đơn kiện và sản lượng sản phẩm tương tự của các nhà sản xuất này chiếm ít nhất là 25% tổng sản lượng sản phẩm tương tự của toàn bộ ngành sản xuất trong nước. Nếu ngành sản xuất nội địa sụp đổ và kéo theo một số lượng lớn các nhà sản xuất khác thì MOFCOM sẽ xem xét lại vai trò của nguyên đơn bằng các phương pháp thống kê lấy mẫu đang được sử dụng.

##### **\* Nội dung của đơn**

Đơn xin điều tra theo quy định tại Điều 14, Quy định về chống bán phá giá của Trung Quốc [2] phải có những nội dung sau:

- Tên, địa chỉ và các thông tin có liên quan của người nộp đơn;



- Một mô tả đầy đủ của các sản phẩm nhập khẩu trong câu hỏi, bao gồm tên của sản phẩm, xuất khẩu quốc gia (vùng) hoặc các quốc gia (vùng) xuất xứ có liên quan, danh tính của các nhà xuất khẩu đã biết hoặc nhà sản xuất, thông tin về giá của sản phẩm để tiêu thụ tại thị trường trong nước của nước xuất khẩu (vùng) hoặc các quốc gia (vùng) xuất xứ, và thông tin về giá xuất khẩu;
- Mô tả về khối lượng và giá trị của sản xuất trong nước của sản phẩm tương tự;
- Ảnh hưởng của khối lượng và giá cả của sản phẩm nhập khẩu trong các câu hỏi về ngành công nghiệp trong nước;
- Các thông tin mà đương đơn sẽ xem xét nếu cần thiết phải gửi đi

**\* Vai trò của các ngành sản xuất nội địa.**

Theo các nguyên tắc và quy định của Trung Quốc, thuật ngữ “ngành sản xuất nội địa” được hiểu là toàn bộ các nhà sản xuất sản phẩm tương tự ở Trung Quốc hoặc một số nhà sản xuất trong đó có sản lượng sản phẩm chiếm tỷ lệ lớn trong tổng sản lượng sản phẩm đó trên cả nước và “tỷ lệ lớn” này là hơn 50%. Một số nhà sản xuất trong nước sẽ không nằm trong danh sách các nhà sản xuất nội địa nếu các nhà sản xuất này có liên quan tới các nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu sản phẩm này hoặc chính họ là các nhà nhập khẩu hàng hóa hoặc các sản phẩm tương tự được bán phá giá.

Một vài khía cạnh trong các quy định và luật lệ của Trung Quốc có thể được đưa ra xem xét bằng cách so sánh với luật lệ của WTO.

*Điểm phân tích đầu tiên là* khái niệm ngành sản xuất nội địa. Làm thế nào để định nghĩa khái niệm “ngành sản xuất nội địa” là một vấn đề thiết yếu liên quan đến các vấn đề như vị trí, xác định thiệt hại, phạm vi các loại sản phẩm chịu thuế chống bán phá giá. Theo Hiệp định chống bán phá giá của WTO, thuật ngữ “ngành sản xuất nội địa” dùng để chỉ các nhà sản xuất sản xuất tất cả các sản phẩm tương tự hoặc các nhà sản xuất có sản lượng sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng sản phẩm tương tự sản xuất trong nước [10]. Do thuật ngữ “tỷ trọng lớn” không được định nghĩa trong Hiệp định chống bán phá giá của WTO nên vẫn có nhiều tranh luận khi thuật ngữ này được dịch ra.

*Điểm phân tích thứ hai là* trong khái niệm ngành sản xuất nội địa không đề cập đến phạm vi của các nhà sản xuất. Hiệp định chống bán phá giá của WTO cho phép loại trừ các thành viên của mình ra khỏi phạm vi của ngành sản xuất nội địa mà được gọi là “các nhà sản xuất có liên quan”, họ là các nhà sản xuất trong nước có liên quan tới các nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu hoặc chính họ là những nhà nhập khẩu các sản phẩm được cho là bán phá giá. Hiệp định này đưa ra định nghĩa cho từ “có liên quan” mà sử dụng mối quan hệ với từ “kiểm soát” là tiêu chuẩn chính như sau:

Các nhà sản xuất được cho là có liên quan tới các nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu chỉ khi (a) một bên trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia; hoặc (b) cả hai bên đều bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một bên thứ 3; hoặc (c) cả hai trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát một bên thứ 3 miễn là có cơ sở

đề tin tưởng hay nghi ngờ rằng ảnh hưởng của mối liên hệ như vậy khiến cho các nhà sản xuất có liên quan cư xử khác với các nhà sản xuất không liên quan [10].

MOFCOM có thể định nghĩa thuật ngữ “các nhà sản xuất có liên quan” theo nghĩa rộng hơn trong hiệp định của WTO. Điều này có thể xảy ra khi điều kiện thứ hai không được xem xét tới hoặc khi chuyển giao trách nhiệm chứng minh. Nếu được hiểu theo nghĩa rộng hơn thì bất kỳ nhà sản xuất nào mà không có liên quan tới các nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu cũng có thể được xem như các nhà sản xuất có liên quan và loại trừ ra khỏi phạm vi của ngành sản xuất nội địa. Trong trường hợp không có điều khoản định nghĩa cho thuật ngữ “có liên quan” trong luật và các quy định của Trung Quốc (mà trái ngược với hiệp định của WTO) thì sẽ luôn luôn tiềm ẩn khả năng loại trừ quá mức và sự thiếu nhất quán với quy định của WTO.

Điểm thứ ba là điều khoản về ngành sản xuất nội địa vùng trong các quy định của Trung Quốc phù hợp với Hiệp định chống bán phá giá của WTO ở chỗ là cả hai đều điều chỉnh các yếu tố như nhau (ví dụ như tình hình kinh doanh và nhu cầu) được xem như các tiêu chí để nhận biết một ngành sản xuất nội địa độc lập. Trong thực tế mặc dù hiếm khi được MOFCOM sử dụng nhưng điều khoản này rất phù hợp khi được áp dụng ở một lãnh thổ rộng lớn như Trung Quốc. Theo các quy định của WTO, khi nhận biết một ngành sản xuất nội địa vùng thì thuế chống bán phá giá sẽ được áp dụng chủ yếu với các sản phẩm trong diện nghi vấn được bán để phục vụ cho việc tiêu dùng cuối cùng ở khu vực cụ thể. Các cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc vẫn rất chú ý đến điều này khi đưa ra các quyết định.

## **b. Tiến hành điều tra**

Theo các quy định chống bán phá giá của Trung Quốc, trong vòng 60 ngày kể từ khi có đơn kiện, MOFCOM phải xem xét nội dung của đơn, chứng cứ và đơn có do ngành sản xuất nội địa hay đại diện của họ đưa ra hay không, đồng thời quyết định có tiến hành điều tra hay không. Trước khi đưa ra quyết định tiến hành điều tra MOFCOM phải thông báo quyết định này cho chính phủ của nước xuất khẩu. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 22, Luật mẫu về Chống bán phá giá của WTO thì: “... Cơ quan điều tra sẽ, trên cơ sở đơn có nêu các yêu cầu của Điều 21, Luật này, thông báo ngay cho chính phủ của mỗi nước xuất khẩu có liên quan” [12]. Như vậy, Trách nhiệm thông báo theo quy định của Trung Quốc khá phù hợp với quy định của WTO.

### Thời hạn điều tra

Theo quy định của Trung Quốc thì thời hạn của một cuộc điều tra là 12 tháng kể từ ngày công bố quyết định để bắt đầu điều tra và có thể được gia hạn trong trường hợp đặc biệt, tuy nhiên thời gian gia hạn này cũng không quá 6 tháng [2]. Quy định này khá phù hợp với quy định của WTO.

### Kết thúc điều tra

Theo quy định tại Điều 27 – Các quy định về chống bán phá giá của Trung Quốc [2] có nêu về các trường hợp chấm dứt cuộc điều tra, cụ thể là: MOFCOM phải kết thúc điều tra khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- (i) bên kiện rút đơn;
- (ii) không có đầy đủ chứng cứ về việc bán phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố đó;

- (iii) biên độ phá giá dưới 2%;
- (iv) số lượng thực tế và ước tính của hàng nhập khẩu bị bán phá giá hoặc thiệt hại là không đáng kể;
- (v) các trường hợp khác mà MOFCOM cho là không thích hợp để tiếp tục điều tra chống bán phá giá.

Các căn cứ để kết thúc điều tra có vẻ phù hợp với các quy định chống bán phá giá của WTO trong Hiệp định chống bán phá giá của WTO quy định mức chuẩn biên độ phá giá tối thiểu là 2%. Tuy nhiên vẫn nảy sinh các tranh luận xung quanh tiêu chuẩn “số lượng nhập khẩu không đáng kể”. Theo quy định của WTO thì nếu lượng hàng hoá bán phá giá nhập khẩu từ một nước nhất định chiếm dưới 3% lượng nhập khẩu hàng hóa tương tự của nước nhập khẩu thì lượng hàng hoá nhập khẩu bán phá giá được coi là không đáng kể, và cơ quan điều tra phải chấm dứt quá trình điều tra. Trong Quy định về chống bán phá giá của Trung Quốc thì mức tiêu chuẩn lượng nhập khẩu 3% này được nêu ra trong Điều 9 về “đánh giá tích lũy về bán phá giá”, trong khi đó một mức tiêu chuẩn như vậy lại không được nêu ra trong Điều 27, điều khoản chung quy định về bất cứ trường hợp nào mà hàng hoá nhập khẩu không đáng kể. Về lý thuyết, người ta có thể nghi ngờ việc MOFCOM sử dụng mức tiêu chuẩn 3% khi đánh giá lượng hàng nhập khẩu bán phá giá là không đáng kể chứ không cộng dồn lượng hàng hoá bán phá giá được nhập khẩu từ nhiều nước. Do vậy nếu MOFCOM tiến hành bất cứ cuộc điều tra nào hoặc không chấm dứt điều tra thì sẽ là vi phạm các quy định của WTO cho dù lượng nhập khẩu hàng bán phá giá từ một nước cụ thể chiếm dưới 3% lượng hàng nhập khẩu tương tự ở Trung Quốc. Tuy nhiên trong thực tế MOFCOM đã chấp nhận mức chuẩn 3% như một mức ngưỡng để xác định lượng hàng nhập khẩu không đáng kể trong mọi trường hợp.

#### **1.3.2.2. Kết luận sơ bộ**

Cơ quan điều tra có trách nhiệm trên cơ sở những phát hiện của họ, làm một kết luận sơ bộ về bán phá giá và thương tích tương ứng, xác định sơ bộ về việc có tồn tại một quan hệ nhân quả giữa bán phá giá và thương tích. Các kết luận sơ bộ được công bố bởi MOFCOM. Tuy nhiên, các quy định của Trung Quốc không thấy quy định về thời hạn phải ra quyết định sơ bộ kể từ khi quyết định điều tra. Trong khi đó, theo quy định của WTO thì có quy định khá rõ về thời hạn này, cụ thể là: “Cơ quan điều tra sẽ ra quyết định sơ bộ về phá giá, thiệt hại, mối quan hệ nhân quả trong thời gian từ 60 đến 180 ngày, sau khi bắt đầu. Quyết định sơ bộ sẽ dựa trên thông tin đã có trước cơ quan điều tra vào thời điểm đó” [10]. Đồng thời cũng đưa ra những quy định rất cụ thể về việc thông báo công khai quyết định sơ bộ này, Cơ quan điều tra sẽ ra một thông báo công khai về quyết định sơ bộ, hoặc là khẳng định hoặc là phủ định. Thông báo về quyết định sơ bộ sẽ nêu ra một cách chi tiết các phát hiện và kết luận đạt được về mọi vấn đề trên khía cạnh thực tế và luật pháp, có xem xét một cách đầy đủ đến những yêu cầu bảo vệ thông tin bí mật. Cơ quan điều tra sẽ đưa thông báo lên Công báo của đất nước và/hoặc trên một tờ báo được biết đến rộng rãi trong nước. Thông báo công khai sẽ được gửi đến nước hay các nước xuất khẩu sản phẩm bị điều tra và tới các bên quan tâm khác.

Đây cũng là một vấn đề mà Trung Quốc nên bổ sung vào quy định chống bán phá giá của mình.

#### **1.3.2.3. Xác định biên độ phá giá**

Biên độ phá giá là mức độ chênh lệch giữa giá xuất khẩu với giá thông thường của hàng nhập khẩu. Do vậy làm thế nào để so sánh giá xuất khẩu với giá thông thường là một vấn đề quan trọng trong việc xác định biên độ phá giá.

Theo Các quy định về chống bán phá giá của Trung Quốc, MOFCOM có thể lựa chọn hai phương pháp so sánh sau: cách thứ nhất là so sánh giá thông thường bình quân trọng số với giá trung bình trong tất cả các giao dịch xuất khẩu có thể so sánh được (gọi là so sánh “A-to-A”); cách thứ hai là so sánh giá thông thường với giá xuất khẩu dựa trên cơ sở các giao dịch (gọi là so sánh “T-to-T”). Do các mức giá xuất khẩu chênh lệch đáng kể giữa những người mua khác nhau, các khu vực và khoảng thời gian khác nhau nên rất khó để so sánh bằng những phương pháp này, khi đó có thể so sánh giữa giá thông thường bình quân và giá trong những giao dịch xuất khẩu đơn lẻ (gọi là so sánh “A-to-T”). Các điều khoản này có được là do nỗ lực chi tiết hoá và cải thiện các điều khoản trong quy định cũ mà trong đó chỉ đơn giản là so sánh giá xuất khẩu với giá thông thường một cách hợp lý và công bằng.

Theo Hiệp định chống bán phá giá của WTO, trong các trường hợp ngoại lệ các cơ quan điều tra có thể áp dụng phương pháp so sánh A-to-T. Nếu sử dụng phương pháp này thì cơ quan điều tra phải giải thích nguyên nhân tại sao không áp dụng các phương pháp thông thường như A-to-A hoặc T-to-T. Điều này có nghĩa là cơ quan điều tra có trách nhiệm phải chỉ ra một trường hợp ngoại lệ.

#### **1.3.3.4. Các biện pháp chống bán phá giá**

##### **a. Các biện pháp tạm thời**

Theo quy định, MOFCOM có thể áp dụng các biện pháp tạm thời nếu như quyết định sơ bộ xác định có sự tồn tại của bán phá giá và có thiệt hại gây ra bởi bán phá giá cho một ngành công nghiệp trong nước

Các biện pháp tạm thời có thể được áp dụng [2]:

- Thuế chống bán phá giá tạm thời;
- Cung cấp các khoản tiền gửi tiền mặt, trái phiếu hoặc các hình thức bảo đảm khác không vượt quá biên độ bán phá giá được thành lập trong quyết định sơ bộ.

Theo quy định của WTO tại Điều 52 về “Hình thức của các biện pháp tạm thời” thì: “Các biện pháp tạm thời sẽ có dạng một đảm bảo - đặt cọc bằng tiền mặt hoặc trái phiếu – không lớn hơn biên độ phá giá dự tính được nêu ra trong thông báo về quyết định sơ bộ” [10].

Thời hạn các biện pháp tạm thời theo quy định của Trung Quốc là không quá 4 tháng và trong trường hợp đặc biệt có thể kéo dài đến 9 tháng; trong khi đó theo quy định của WTO thì lại quy định “các biện pháp tạm thời sẽ được áp dụng trong một thời hạn không quá 6 tháng.

##### **b. Các cam kết về giá**

Trong suốt quá trình điều tra chống bán phá giá, một nhà xuất khẩu bán phá giá hàng hóa có thể xuất với MOFCOM một cam kết nhằm thay đổi mức giá bán hoặc ngừng xuất khẩu hàng hoá bán phá

giá. Cam kết này được gọi là “cam kết về giá”. Điều khoản Cam kết về giá của Trung Quốc định nghĩa như sau:

Thuật ngữ “Cam kết về giá” được đề cập đến trong các quy định này là cam kết một cách tự nguyện của các nhà xuất khẩu và các nhà sản xuất với MOFCOM, họ hưởng ứng cuộc điều tra chống bán phá giá bằng cách thay đổi mức giá bán hoặc ngừng xuất khẩu hàng hóa đang được điều tra chống bán phá giá để được MOFCOM chấp thuận đình chỉ hoặc chấm dứt điều tra.

Tuy nhiên có hai khía cạnh mà Quy định của Trung Quốc không phù hợp với quy định của WTO. Thứ nhất là, trong các quy định tạm thời về cam kết giá thì MOFCOM có thể chỉ chấp thuận các đề xuất đưa ra bởi các nhà xuất khẩu hợp tác hiệu quả trong suốt quá trình điều tra. Theo Hiệp định của WTO, cam kết về giá đưa ra không nhất thiết phải được chấp thuận nếu cơ quan điều tra cho rằng sự chấp thuận này là không hợp lý hoặc vì lý do “chính sách chung” và khi từ chối thì cơ quan điều tra phải đưa ra lý do cho các nhà xuất khẩu và cho họ cơ hội đóng góp ý kiến. Thiếu đi một chuẩn mực cho việc xác định rằng thế nào là “hợp tác hiệu quả” và không có sự áp dụng phù hợp cho các trường hợp thực tế nên sẽ rất khó khăn để nhận biết rằng lý do để từ chối một đề xuất cam kết về giá là thiếu “sự hợp tác hiệu quả” có phù hợp với quy định của WTO hay không. Thêm vào đó nếu cơ quan điều tra của Trung Quốc không đưa ra cho các nhà xuất khẩu lý do từ chối hoặc không cho họ cơ hội để đưa ra ý kiến, thì sẽ càng vi phạm các quy định của WTO. Trong văn bản trả lời các câu hỏi của Mexico tại cuộc họp của Ủy ban về thực tiễn chống bán phá giá, Trung Quốc đã giải thích rằng nếu một công ty không hợp tác trong quá trình điều tra thì sẽ rất khó khăn để xác định rằng liệu cam kết về giá của công ty đó có được giám sát hiệu quả hay không. Vì vậy Trung Quốc thấy rằng sẽ là không phù hợp nếu chấp thuận những đề xuất như vậy. Tuy nhiên lý do này đưa ra là không thuyết phục do không có sự tương quan cần thiết giữa cách cư xử của các công ty trong suốt quá trình điều tra và quá trình thực hiện cam kết. Hơn nữa điều 8.6 của Hiệp định chống bán phá giá cũng đã đưa cho cơ quan điều tra chống bán phá giá các công cụ giám sát hữu hiệu đối với các nhà xuất khẩu không hợp tác, chẳng hạn như quyền thu thập thông tin từ các nhà xuất khẩu và áp dụng các biện pháp tạm thời, sử dụng thông tin tốt nhất sẵn có trong trường hợp có sự vi phạm cam kết.

Thứ hai là, theo Quy định chống bán phá giá của Trung Quốc, nếu các nhà xuất khẩu vi phạm các thỏa thuận về cam kết giá thì cơ quan điều tra của Trung Quốc có thể tiếp tục cuộc điều tra dựa trên các thông tin sẵn có tốt nhất và quyết định áp dụng các biện pháp tạm thời và áp thuế chống bán phá giá có hiệu lực hồi tố lên các sản phẩm nhập khẩu trong vòng 90 ngày trước khi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá tạm thời, miễn là trước khi vi phạm cam kết các sản phẩm nhập khẩu không bị áp thuế có hiệu lực hồi tố. Quy định “áp dụng hiệu lực hồi tố 90 ngày” [2] này về cơ bản là phù hợp với các quy định của WTO.

Các Quy định tạm thời về cam kết giá quy định thêm rằng nếu trong kết luận cuối cùng đưa ra mức thuế chống bán phá giá chính thức thấp hơn mức đặt cọc trong kết luận sơ bộ, thì khoản chênh lệch phải được hoàn lại. Điều khoản này phù hợp với nguyên tắc bồi hoàn theo Hiệp định chống bán phá giá.

Tuy nhiên vấn đề nghiêm trọng về sự thiếu nhất quán với các quy định của WTO là ở đoạn sau của quy định này cho biết “nếu trong kết luận cuối cùng đưa ra mức thuế chống bán phá giá chính thức cao hơn mức đặt cọc trong kết luận sơ bộ thì khoản chênh lệch này vẫn bị đánh thuế”.

### **c. Áp dụng thuế chống bán phá giá**

Quy định về thuế chống bán phá giá được nêu tại Chương III, Các quy định về chống bán phá giá của Trung Quốc.

Theo đó, nếu quyết định cuối cùng xác định sự tồn tại của bán phá giá và thiệt hại gây ra bởi bán phá giá cho một ngành sản xuất công nghiệp trong nước, thuế chống bán phá giá có thể được áp dụng.

Về thẩm quyền liên quan đến việc áp thuế chống bán phá giá sẽ được phân định như sau: MOFCOM sẽ là cơ quan đề nghị áp dụng thuế chống bán phá giá, trên cơ sở đó, Ủy ban thuế quan sẽ ra quyết định. Hải quan phải thực hiện các quyết định kể từ ngày có hiệu lực. Mức thuế chống bán phá giá không được vượt quá biên độ bán phá giá được xác định trong quyết định cuối cùng.

Về vấn đề hoàn thuế được áp dụng nếu thuế chống bán phá giá chính thức được xác định thấp hơn thuế chống bán phá giá tạm thời thì phải thoái trả phần tạm thu vượt quá. Nếu quyết định chính thức là không thu thuế chống bán phá giá thì phải trả lại tiền nộp thuế chống bán phá giá tạm thời, tiền ký quỹ hoặc các bảo đảm dưới các hình thức khác.

Về vấn đề truy thu thuế, nếu thuế chống bán phá giá chính thức được xác định cao hơn thuế chống bán phá giá tạm thời thì không thu bổ sung phần thu còn thiếu.

### **d. Vấn đề rà soát**

Theo quy định tại Điều 44, Quy chế thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp của Trung Quốc [14] thì sau một năm kể từ ngày thông báo công khai việc áp đặt thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp, MOFCOM sẽ đệ trình vụ kiện lên Ủy ban thuế quan để rà soát sự cần thiết phải tự tiến hành điều tra về việc hết hiệu lực hay thay đổi lý do của việc áp thuế, hoặc điều tra theo yêu cầu của người khiếu kiện hay bất kỳ bên liên quan nào đệ trình thông tin tích cực cho thấy cần thiết phải tiến hành rà soát.

Trường hợp Ủy ban thuế quan quyết định tiến hành điều tra theo quy định trên, trong vòng 9 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày thông báo công khai về vụ điều tra, cơ quan liên quan sẽ đưa ra kết luận. Trường hợp cần thiết, thời gian đó sẽ được kéo dài, nhưng thông thường, cuộc điều tra sẽ kết thúc trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu điều tra.

### **d. Các biện pháp đối kháng**

Điều 7 Luật Ngoại Thương Trung Quốc quy định rằng: “Trong trường hợp mà bất kỳ quốc gia hay khu vực nào áp dụng các biện pháp cấm, ngăn chặn hay các biện pháp khác tương tự trên cơ sở phân biệt đối xử với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về thương mại thì Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có thể áp dụng các biện pháp đối kháng với quốc gia, khu vực đó” [15]. Điều khoản này khiến cho các cơ quan có thẩm quyền điều tra của Trung Quốc được tự do trả đũa.

## **Chương 2: THỰC TIỄN VỀ HOẠT ĐỘNG CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA TRUNG QUỐC**

### **2.1 Tổng quan về thực trạng bán phá giá vào thị trường Trung Quốc**

#### **2.1.1 Thống kê các vụ bán phá giá vào thị trường Trung Quốc**

Với việc ban hành hệ thống pháp luật về chống bán phá giá của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO, đã nhận thấy sự nỗ lực của Trung Quốc trong quá trình hài hoà quá hệ thống pháp luật quốc tế. Cũng như các quốc gia khác, các doanh nghiệp Trung Quốc đã bắt đầu áp dụng nhiều hơn các biện pháp chống bán phá giá nhằm ngăn chặn những ảnh hưởng xấu của hàng hoá nhập khẩu. Trong khoảng thời gian từ năm 1995 đến năm 2010, các vụ bán phá giá vào thị trường Trung Quốc tăng lên đáng kể. Sau đây sẽ thống kê các vụ Bán phá giá vào thị trường Trung Quốc theo hai tiêu chí: theo nhóm mặt hàng và theo biện pháp áp dụng.

##### *2.1.1.1 Số liệu về Chống bán phá giá mà Trung Quốc khởi xướng xử lý theo nhóm mặt hàng từ 01/01/1995 đến 30/6/2010.*

Nhìn vào Biểu đồ có thể nhận thấy, trong khoảng thời gian từ năm 1995 đến năm 2010 thì Trung Quốc khởi xướng 182 vụ, trong các vụ Trung Quốc khởi xướng xử lý bán phá giá tập trung cao nhất tại Nhóm VI – Nhóm sản phẩm hoá chất hoặc của các ngành công nghiệp liên hệ.

Trong 182 vụ mà Trung Quốc khởi xướng điều tra, trong đó, có 137 vụ có các biện pháp áp dụng. Có thể xem cụ thể tại biểu đồ 2 dưới đây.

##### *2.1.1.2 Số liệu về Chống bán phá giá của Trung Quốc theo biện pháp áp dụng 01/01/1995 đến 30/6/2010.*

Ở một khía cạnh khác, có thể đánh giá tổng quan các vụ chống bán phá giá mà Trung Quốc tiến hành với các quốc gia khi tham gia và thị trường của Trung Quốc. Vẫn là tổng 137 vụ như số liệu ở trên, nhưng tại thống kê bên dưới sẽ cho ta biết được quốc gia nào bị Trung Quốc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá từ 01/01/1995 đến 30/6/2010

Nhật Bản và Hàn Quốc là hai quốc gia mà Trung Quốc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá cao nhất, tiếp sau đó là Mỹ, Đài Bắc, Liên minh Châu Âu (EU), Nga....

#### **2.1.2 Thực trạng xử lý các vụ bán phá giá vào thị trường Trung Quốc**

##### *2.1.2.1 Thực trạng xử lý các vụ bán phá giá vào thị trường Trung Quốc giai đoạn từ 1997 đến 2001*

Kể từ khi các quy định về chống bán phá giá được thi hành, kể từ năm 1997, Bộ ngoại thương và Hợp tác kinh tế Trung Quốc (MOFTEC) đã khởi xướng 21 cuộc điều tra chống bán phá giá, trong đó Trung Quốc thắng 5 vụ.

Vào tháng 12/1997, Moftec và SETC đã khởi xướng một cuộc điều tra chống phá giá sau khi nhận được đơn khiếu nại từ 9 công ty sản xuất giấy in trong nước. Kết quả điều tra cho thấy mặt hàng giấy in báo nhập khẩu từ Mỹ, Canada và Hàn Quốc đã gây ra các thiệt hại đáng kể cho ngành công nghiệp giấy in nước này.

Trong năm 1999, các nhà sản xuất mặt hàng thép silicon đã cáo buộc đối tác Nga bán phá giá. Đây là vụ kiện thứ hai của Trung Quốc. Cuộc điều tra đã được tiến hành vào tháng ba năm đó. Phán

quyết cuối cùng được đưa vào năm 2000, theo đó hai nhà sản xuất của Nga đã phải chịu thuế chống bán phá giá giao động từ 6% đến 62%.

Tiếp sau hai vụ trên, các nhà sản xuất những mặt hàng thép không gỉ, rượu acrylic ester, axit propenoic ester đã cáo buộc đối tác nước ngoài bán phá giá những sản phẩm trên vào thị trường Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc cũng áp dụng các biện pháp chống bán phá giá khác nhằm bảo vệ các nhà sản xuất chất hoá học trong nước trước sự xâm nhập của hàng nhập khẩu giá rẻ. Vào tháng 11/2000, MOFTEC áp thuế chống bán phá giá 32% giá trị đối với chất acrylic ester nhập từ Nhật và Mỹ trong vòng 5 năm. Số lượng chất này nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc đã vượt quá 29% vào năm 1999 [19]. Moftec cũng áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với chất methylene chlorides nhập từ 6 nước với mức thuế là từ 28% đến 75% [19].

Trung Quốc và Nhật Bản đã có những xung đột thương mại gay gắt về mặt hàng PVC xuất khẩu của Nhật vào thị trường Trung Quốc. Hơn 1/3 trong tổng số lượng sản phẩm PVC sản xuất tại Nhật được xuất sang Trung Quốc. Vào tháng 5/2000, Trung Quốc đã không cho phép tàu chở PVC của Nhật cập cảng phía Nam của nước này như một hành động trả đũa trước việc Nhật Bản áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế tòi tây, nấm và khăn mặt nhập khẩu từ Trung Quốc. [19]

Ngoài năm vụ đã có phán quyết cuối cùng, nhà chức trách Trung Quốc cũng đã tiếp nhận 6 đơn kiện bán phá giá khác đối với các mặt hàng nhập khẩu bao gồm chất hữu cơ carrene, hợp chất L-lysine monohydrochloride (sử dụng trong thực phẩm) và sợi polyester. Cuối năm 2000, đã có phán quyết sơ bộ đối với các nhà sản xuất hữu cơ carrene của Đông Á và Đông Nam Á.

#### *2.1.2.2 Thực trạng xử lý các vụ bán phá giá vào thị trường Trung Quốc giai đoạn từ 2001 đến nay.*

*a. Vụ việc Trung Quốc điều tra chống bán phá giá đối với chất Chloroform đối với công đồng Châu Âu, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ là 1 vụ điển hình [13].*

Qua việc đưa ra ví dụ này, đưa ra phân tích chi tiết về vụ việc, qua đó có thể nhìn thấy khái quát quá trình điều tra, xử lý bán phá giá của Trung Quốc, cũng như cơ chế mới khi Trung Quốc áp dụng các quy định về chống bán phá giá mới của mình, phù hợp với các quy định của WTO.

Nước điều tra: Trung Quốc

Nước bị điều tra: Cộng đồng châu Âu, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ

Sản phẩm bị điều tra: Chloroform

Pháp luật về điều tra chống bán phá giá của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) được quy định chủ yếu tại Quy chế về Chống bán phá giá Trung Quốc, được thông qua tại Đại hội thứ 46 Hội đồng Nhà nước ngày 31/10/2001 và được ban hành ngày 26/11/2001 tại Nghị định số 328 của Hội Đồng Nhà nước Trung Quốc. Quy chế này có hiệu lực áp dụng từ 1/1/2002.

Những điểm nổi bật của vụ việc:

Đây là một ví dụ hay cho thấy Trung Quốc đang tăng cường sử dụng công cụ kiện chống bán phá giá đối với các nước khác.

Vụ việc cho thấy Trung Quốc áp dụng một chuẩn mực trong điều tra chống bán phá giá gần tương tự



như Hoa Kỳ và Cộng đồng châu Âu;

Vụ việc cho thấy một số đặc điểm riêng của quá trình điều tra chống bán phá giá của Trung Quốc (trong so sánh với Cộng đồng châu Âu), ví dụ chỉ tiến hành điều tra chống bán phá giá sau khi đã có kết luận sơ bộ;

Đây là lần đầu tiên Trung Quốc tiến hành đàm phán và đi đến cam kết về giá với các nhà xuất khẩu nước ngoài.

*b. Một vụ kiện bán phá giá của Trung Quốc khá tiêu biểu trong năm 2009 phải kể đến là vụ Trung Quốc kiện EU ra WTO liên quan tới thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng đinh vít và bulong.*

*c. Cũng liên quan đến EU, ngày 29/12/2008, Bộ Thương mại Trung Quốc đã bắt đầu điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng chốt thép cacbon nhập khẩu từ Liên minh Châu Âu (EU) đáp trả lại việc EU vừa đánh thuế chống bán phá giá cao đối với các nhà xuất khẩu chốt của Trung Quốc.*

## **2.2. Nhận xét về việc áp dụng luật chống bán phá giá của Trung Quốc**

### **2.2.1 Phản ứng của các quốc gia đối với Luật chống bán phá giá của Trung Quốc**

Nhìn chung, pháp luật chống bán phá giá của Trung Quốc về cơ bản khá tương đồng với các quy định của WTO. Trung Quốc đã ban hành quy định về chống bán phá giá và chống bán phá giá và chống trợ cấp đầu tiên vào năm 1997, sau đó đã được hủy bỏ bởi hai quy định riêng rẽ về biện pháp chống bán phá giá và đối kháng và quy định bảo hộ đầu tiên vào năm 2001. Những quy định này nhìn chung đã tuân thủ các tiêu chuẩn của WTO nhưng các quy định ít chi tiết hơn so với các Hiệp định liên quan của WTO.

Việc tương đồng trong hệ thống pháp luật khiến cho Luật chống bán phá giá của Trung Quốc trở nên “gần gũi” với các quốc gia, là công cụ hữu ích đảm bảo công bằng giữa các quốc gia trong hệ thống WTO nếu xảy ra cuộc tranh chấp về bán phá giá.

Trong khi cho dù đã có những cải thiện tổng thể hệ thống biện pháp khắc phục thương mại của Trung Quốc thì vẫn thiếu khái niệm về một số thuật ngữ luật quan trọng bao gồm khái niệm “các nhà sản xuất có liên quan”, “tiêu chuẩn nhập khẩu không đáng kể” và các yếu tố điều chỉnh để có sự so sánh công bằng giữa giá thông thường và giá xuất khẩu và một số vấn đề về luật liên quan đến các cam kết về giá và hệ thống các biện pháp đối kháng vẫn đang tiếp tục được giải quyết. Trung Quốc sẽ tiếp tục nhiệm vụ làm minh bạch và cải thiện các quy định thương mại của mình.

### **2.2.2 Ảnh hưởng của Pháp luật chống bán phá giá đến bản thân các doanh nghiệp của Trung Quốc**

Năm 2001, Trung Quốc đã chính thức trở thành thành viên của WTO. Cùng với việc gia nhập này là việc cải cách lại toàn bộ hệ thống pháp luật để hài hòa hóa với pháp luật quốc tế trong đó có pháp luật về chống bán phá giá.

Tuy nhiên trong những lần rà soát đã đẩy lên làn sóng chỉ trích gay gắt đối với việc thực hiện Hiệp định chống bán phá giá của Trung Quốc, đặc biệt về tính minh bạch trong các quy trình thủ tục điều tra chống bán phá giá. Cụ thể hơn nữa, Bộ Thương mại Trung Quốc đã không ngừng bị chỉ trích về

việc cơ quan này không công khai các kết quả điều tra, các thông tin về thủ tục tiến hành không được công bố cũng như công chúng không được cập nhật về các quy định và luật lệ mới có liên quan đến vấn đề chống bán phá giá.

Trung Quốc trở thành thành viên thứ 143 của WTO vào tháng 12/2001, nhưng cùng với niềm vui đó, vấn đề cấp bách đầu tiên mà Trung Quốc đã phải đối mặt là các vụ kiện chống bán phá giá. Nhiều mặt hàng xuất khẩu của Trung Quốc đã bị ngành sản xuất trong nước nhập khẩu kiện chống bán phá giá và hệ quả là nước này đã phải gánh chịu nhiều thiệt hại nặng nề. Theo số liệu của WTO, Trung Quốc là nước bị kiện nhiều nhất thế giới, bình quân hàng năm gần 47 vụ; số vụ bị kiện tăng cao, nhất là khi Trung Quốc gia nhập WTO từ tháng 12/2001[24]

Trong việc đối phó với các vụ bị kiện bán phá giá, Trung Quốc đã xây dựng được một cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa ba phía: Chính phủ với đại diện là Cục Thương mại Công bằng Xuất nhập khẩu trực thuộc Bộ Thương mại, Hiệp hội doanh nghiệp ngành hàng, và các doanh nghiệp. Theo đó, Hiệp hội và doanh nghiệp giữ vai trò chủ động, cốt yếu trong phòng, chống và tự vệ khi bị kiện, trong khi vai trò của Chính phủ được giữ ở một mức độ nhất định. Bởi vì, theo nhận định của một số chuyên gia, Chính phủ Trung Quốc không thể đi đầu trong việc đối phó với các vụ bị kiện bán phá giá, do trong hoàn cảnh Trung Quốc bị coi là nền kinh tế phi thị trường thì việc Chính phủ can thiệp quá sâu vào các vụ kiện sẽ gây thêm bất lợi cho các doanh nghiệp.

### **CHƯƠNG 3: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM**

#### **3.1 Một số vụ kiện chống bán phá giá điển hình có liên quan đến Trung Quốc và Việt Nam**

Gần đây nhất phải nói đến việc Trung Quốc và Việt Nam đã thắng kiện EU vụ áp thuế chống bán phá giá đối với giày mũi.

Một trong số những vụ kiện tiêu biểu mà Trung Quốc bị kiện mà ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường của Việt Nam là vụ kiện đồ gỗ Trung Quốc. Việc đồ gỗ Trung Quốc bị kiện gây ảnh hưởng đến đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Sở dĩ như vậy là bởi vì Trung Quốc chuyển nhiều nhà máy sang đầu tư tại Việt Nam khiến Việt Nam sẽ phải đối diện với nhiều vụ kiện hơn.

#### **3.2. Những kinh nghiệm rút ra từ việc nghiên cứu pháp luật và thực tiễn chống bán phá giá của Trung Quốc đối với Việt Nam**

##### **3.2.1 Kinh nghiệm trong đối với việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam**

###### **3.2.1.1 Thực trạng pháp luật Việt Nam về chống bán phá giá.**

###### **a. Các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về chống bán phá giá**

Cho đến thời điểm hiện tại, các quy định của pháp luật về chống bán phá giá bao gồm những văn bản như sau:

- Pháp lệnh 2004 về việc chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam;

- Nghị định 90/2005/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam;
- Nghị định 04/2006/NĐ-CP về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ;
- Nghị định 06/2006/NĐ-CP về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục quản lý cạnh tranh;
- Nghị định 19/2006/NĐ-CP về việc quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;
- Thông tư 106/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp, hoàn trả thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp và các khoản bảo đảm thanh toán thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp;
- Quyết định 32/QĐ-QLCT của Cục Quản lý cạnh tranh về việc ban hành Mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

### **b. Nhận xét về hệ thống pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam**

So với các quy định về chống bán phá giá của Trung Quốc, thì các văn bản pháp luật của Việt Nam về cơ bản cũng có nhiều điểm tương đồng, đều xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quy định của WTO. Tuy nhiên, pháp luật về chống bán phá giá Việt Nam còn nhiều điểm hạn chế cả về hình thức và nội dung, cụ thể là:

Về hình thức, so với các chế định pháp luật khác, các chế định về chống bán phá giá đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam là tương đối tập trung (về cấu trúc), ít về số lượng văn bản và do đó khá minh bạch. Để tìm hiểu các chế định này, nhà nghiên cứu cũng như các chủ thể thực thi không phải tìm kiếm vào nội dung từng văn bản pháp luật chuyên ngành để xem xét các tình huống bảo lưu hay có cách áp dụng đặc biệt mà chỉ cần tiếp cận trực tiếp các văn bản này là đủ. Tuy nhiên, điểm hạn chế sẽ là với số lượng không nhiều các văn bản và dung lượng của các văn bản này cũng không quá lớn trong khi vẫn đề cần điều chỉnh lại bao gồm rất nhiều các chi tiết nhỏ, phức tạp, ảnh hưởng lớn đến các lợi ích của các chủ thể liên quan nên việc thực thi trên thực tế có thể khó khăn.

Về nội dung, pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam còn đơn giản và sơ khai. Pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam cơ bản chỉ là sự lặp lại không đầy đủ những nguyên tắc đã được ghi nhận trong Hiệp định về thực thi Điều VI của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại 1994. Còn nhiều hạn chế trong các quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là:

- Pháp luật chỉ đưa ra khái niệm mà chưa làm rõ các căn cứ pháp lý để xác định hiện tượng bán phá giá, xác định thiệt hại vật chất và mối quan hệ nhân quả;
- Các quy định về thủ tục điều tra, xử lý vụ việc còn sơ lược. Với những quy định hiện hành, các doanh nghiệp, các cơ quan có thẩm quyền chỉ có thể hình dung những bước cơ bản của quá trình xử lý vụ việc mà chưa thể xác định được các hoạt động cần thiết khi tham gia vào một vụ việc cụ thể;

- Còn thiếu các quy chuẩn cụ thể khiến các chủ thể (đặc biệt là cơ quan điều tra) có hành động tùy nghi. Ví dụ như: nếu không có quy định cụ thể về Bảng câu hỏi, về quy trình phân tích đánh giá các yếu tố liên quan và do đó vi phạm quy định về thời hạn của WTO;

- Thiếu các quy định cụ thể đảm bảo tính khả đoán và ổn định của quá trình điều tra có thể là một nguy cơ dẫn tới thiếu minh bạch, từ đó ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các chủ thể liên quan. Ví dụ: nếu không có quy định về cách thức tiếp cận thông tin thì quyền lợi của các bên liên quan sẽ bị ảnh hưởng (do tiếp cận thông tin chậm, không đầy đủ nên khó chuẩn bị lập luận và chứng cứ để tự bảo vệ mình);

- Còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung như xác định thời kỳ điều tra, các căn cứ để xác định thiệt hại đáng kể, khái niệm và cách thức xác định ngành sản xuất trong nước.... Những hạn chế trên của pháp luật chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi theo hướng: việc điều tra, xử lý vụ việc sẽ gặp những trở ngại khi chưa đủ căn cứ pháp lý để áp dụng; các bên liên quan sẽ lúng túng khi tham gia tố tụng do không thể hình dung những yêu cầu, những chuẩn mực mà pháp luật đặt ra cho họ. Sự thiếu hoàn thiện của pháp luật là một trong những ảnh hưởng trước tiên và nghiêm trọng nhất đến khả năng thực thi pháp luật trong thực tế. Do đó, việc nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật chống bán phá giá nói chung và chế định về quy trình điều tra và xử lý vụ việc đang là nhu cầu cấp thiết để đảm bảo hiệu quả điều chỉnh của pháp luật.

### **3.2.1.2 Phương hướng hoàn thiện trong việc xây dựng pháp luật về Chống bán phá giá của Việt Nam**

Vì vậy, để hoàn thiện hệ thống pháp luật về chống bán phá giá và chống trợ cấp của Việt Nam cần thực hiện các công việc sau:

- Tiếp tục soạn thảo và thông qua các văn bản pháp lý để hướng dẫn chi tiết (cả về thủ tục và nội dung) việc thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ các vụ điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá hàng hoá nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam. Việc soạn thảo này cần đi theo hướng:

- (i) Ghi nhận và nội luật hoá các quy định chi tiết có liên quan trong 02 Hiệp định liên quan của WTO;
- (ii) Nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan của các thành viên WTO và chuyển hoá một cách hợp lý vào điều kiện Việt Nam;
- (iii) Xây dựng các Bảng câu hỏi điều tra mẫu, các bản hướng dẫn về thủ tục hành chính cụ thể áp dụng cho cơ quan có thẩm quyền điều tra và các chủ thể liên quan. Việc xây dựng các văn bản hướng dẫn này có thể được thực hiện trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước có hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh và thực tiễn phong phú về vấn đề này. Những vụ việc thực tế ở Việt Nam cũng sẽ là nguồn rất tốt để điều chỉnh các văn bản này.

### **3.2.2 Bài học kinh nghiệm đối với doanh nghiệp trong vấn đề phòng và chống bị kiện bán phá giá**

- (a) Tìm hiểu hệ thống pháp luật và quy định của nước nhập khẩu.
- (b) Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với nhà nhập khẩu và người tiêu dùng tại nước nhập khẩu.

(c) Các doanh nghiệp Việt Nam cùng hợp tác chặt chẽ khi xâm nhập vào một thị trường xuất khẩu và tăng cường các biện pháp đối phó với vụ kiện chống bán phá giá từ phía nước ngoài.

(d) Xây dựng chiến lược xuất khẩu hoàn thiện, giảm nguy cơ bị áp đặt các biện pháp chống bán phá giá.

### **3.3. Các giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam trong vấn đề bán phá giá**

#### **3.3.1 Nhóm giải pháp nhằm tránh bị liên quan đến các vụ kiện bán phá giá**

- a. Nghiên cứu kỹ thị trường
- b. Xây dựng một chính sách giá hợp lý
- c. Đa dạng hoá sản phẩm

#### **3.3.2 Nhóm giải pháp cần tiến hành khi bị kiện bán phá giá**

- a. Chủ động đối phó với vụ kiện
- b. Thuê luật sư tư vấn
- c. Vận động các bên có chung lợi ích
- d. Nhóm các giải pháp khác:
  - (i) Đa dạng hoá thị trường
  - (ii) Xây dựng một thương hiệu riêng
  - (iii) Luôn sẵn sàng với nguy cơ bị kiện bán phá giá

## KẾT LUẬN

Như vậy, qua việc tìm hiểu hệ thống pháp luật chống bán phá giá Trung Quốc cũng như quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật chống bán phá giá để làm công cụ hữu hiệu các doanh nghiệp trong nước đã cho thấy Trung Quốc trong thời gian qua luôn nỗ lực hoàn thiện hệ thống pháp luật của mình, nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế. Nỗ lực này là điều rất xứng đáng để Việt Nam ghi nhận và có những học tập nhất định.

Hệ thống pháp luật chống bán phá giá của Trung Quốc là một đạo luật không hề đơn giản. Sự không đơn giản không chỉ thể hiện trong các quy định và quy trình thủ tục xử lý một vụ kiện bán phá giá mà còn thể hiện trong bản chất của đạo luật này. Rõ ràng, luật chống bán phá giá của Trung Quốc không chỉ là một công cụ loại bỏ những hành vi cạnh tranh không bình đẳng mà sâu xa hơn, còn là một công cụ bảo hộ nền sản xuất của Trung Quốc.

Thông qua chương 1, tác giả luận văn muốn khái quát các quy định của pháp luật chống bán phá giá Trung Quốc, các quy định cụ thể về các bước tiến hành đối với một cuộc điều tra chống bán phá giá của quốc gia này, biết được nó, nắm vững được nó là một công cụ hữu hiệu cho Việt Nam khi chúng ta gia nhập vào thị trường quốc gia rộng lớn này.

Trên cơ sở nội dung của chương 1, sang chương 2 đã nói rõ hơn về thực trạng xử lý các cuộc bán phá giá vào thị trường Trung Quốc. Chương này thực ra nội dung có một sự gắn kết chặt chẽ với chương 1, bởi vì hiểu được chương 1 thì sang chương 2 mới có cái nhìn thấu đáo về những vụ việc mà quốc gia này xử lý trong hoạt động chống bán phá giá của mình.

Chương 3 chốt lại về những vụ việc chống bán phá giá có liên quan giữa Trung Quốc và Việt Nam, vì thực tế giữa Việt Nam và Trung Quốc chưa có cuộc xử lý chống bán phá giá nào. Từ những phân tích ở 2 chương, chương 3 đưa ra cho Việt Nam những bài học kinh nghiệm, những giải pháp để có thể có những thay đổi về mặt chính sách, hệ thống pháp luật cũng như những công cụ kinh tế bảo đảm cho Việt Nam đủ công cụ hữu ích để bảo vệ mình, bảo vệ doanh nghiệp của mình trong giai đoạn toàn cầu hóa này.

Có thể nói việc lựa chọn đề tài này có rất nhiều khó khăn, vì thực chất hiện tại chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên biệt về vấn đề này. Do vậy, nội dung của luận văn không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Nhưng mong muốn của tác giả luận văn là muốn đưa ra vấn đề, nhìn nhận vấn đề của cá nhân, để từ đó “đặt gạch” cho những công trình nghiên cứu khác, có thể được sâu hơn và kỹ hơn. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô, đồng nghiệp cũng như những nhà nghiên cứu khác để bản Luận văn có thể được hoàn thiện hơn